

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 27-10-2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 3/10/163 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Anh Lê Thừa R, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện PĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 07-11-2022, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thừa R và chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03-5-2018.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-6-2018.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi đến khi thành niên và người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định tại các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận anh Lê Thừa R thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để nuôi cháu Lê Nguyễn Thanh T từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên là phù hợp quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xét.

[5] Về lệ phí: Đương sự thỏa thuận anh Lê Thừa R chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là tự nguyện, có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thừa R và chị Nguyễn Thị Thùy D.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-6-2018 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng: Anh Lê Thừa R có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để nuôi cháu Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 23-6-2018 từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Lê Thừa R chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0002038 ngày 27-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh R đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ: VDS, AV.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**